

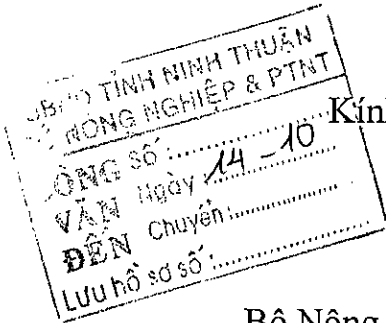
**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7354 /BNN-TCLN

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2019

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP



Kính gửi:

Sở Nông nghiệp và PTNT  
Tỉnh Ninh Thuận

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Quý cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị định (dự thảo Nghị định và Tờ trình) được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ (Mục Lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo VBPL), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Mục Lấy ý kiến dự thảo VBPL), Tổng cục Lâm nghiệp (Mục Góp ý văn bản), Cục Kiểm lâm (Mục Tin nổi bật).

Văn bản góp ý gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Kiểm lâm - Tổng cục Lâm nghiệp), địa chỉ: số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; bản địa tử gửi qua hòm thư điện tử [fpd@kiemlam.org.vn](mailto:fpd@kiemlam.org.vn) trước ngày 30/10/2019 để tổng hợp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rất mong nhận được sự quan tâm góp ý của Quý cơ quan, tổ chức, cá nhân./.

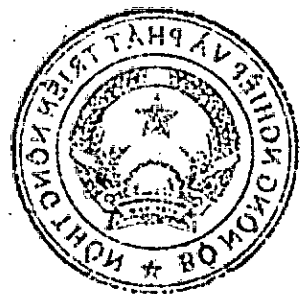
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TCLN, Cục KL (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCLN (160).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
HỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn



Số: /TTr-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 258/TB-VPCP ngày 25/7/2019 và Văn bản số 6831/VPCP-NN ngày 01/8/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, Cơ quan ngang Bộ xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

1. Luật Lâm nghiệp được Quốc hội khoá XIV thông qua tại kỳ họp thứ 4 ngày 15/11/2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019. Để triển khai Luật Lâm nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2. Trước khi Luật Lâm nghiệp có hiệu lực, việc kiểm soát chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên thực hiện theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trong đó tại Điểm 5 của Chỉ thị quy định: "... không chuyển diện tích rừng tự nhiên hiện có sang mục đích sử dụng khác (trừ các dự án phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, hoặc các dự án đặc biệt, cấp thiết do Chính phủ quyết định)" và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017, trong đó quy định việc chuyển diện tích rừng tự nhiên hiện có sang mục đích sử dụng khác để thực hiện các dự án phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, hoặc các dự án đặc biệt, cấp thiết do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Từ ngày 01/01/2019 Luật Lâm nghiệp có hiệu lực thi hành, tại Khoản 2, Điều 14, Luật Lâm nghiệp quy định: "*Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt*".

Tại Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP đã quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Tuy nhiên qua thực tiễn thực hiện, cần phải quy định chi tiết về tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đối với xác định các dự án dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác để đảm bảo quy định của Luật Lâm nghiệp được thực hiện thống nhất trong toàn quốc, tránh việc hiểu, vận dụng Luật khác nhau, đồng thời không tạo kẽ hở trong quản lý.

3. Đến 30 tháng 6 năm 2019, qua tổng hợp đề xuất của địa phương thì tổng số dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là 3.541 dự án, trong đó số dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là 34 dự án (bằng 0,96 % tổng số dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng); diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là 172.589 ha, diện tích được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là 712,1 ha (bằng 0,41% tổng diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng), trong đó rừng tự nhiên là 419 ha, tỷ lệ trên là rất thấp so với nhu cầu thực tế để phát triển kinh tế - xã hội.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP để quy định cụ thể về tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên là rất cần thiết.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

- Bám sát quan điểm chỉ đạo trong quá trình xây dựng Luật Lâm nghiệp để soạn thảo Nghị định quy định chi tiết quy định chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên.

- Bảo đảm tính phù hợp và thống nhất của Nghị định trong hệ thống pháp luật hiện nay; tính công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị định.

- Các quy định của Dự thảo Nghị định phải cụ thể, khả thi phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm triển khai thi hành ngay cùng thời điểm hiệu lực của Luật.

- Kế thừa các quy định của pháp luật hiện hành về lâm nghiệp không trái với quy định của Luật, bổ sung những quy định mới phù hợp với pháp luật, thực tiễn của Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai xây dựng Dự thảo Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, với những hoạt động cơ bản sau:

1. Giao Tổng cục Lâm nghiệp chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan:

- Rà soát, đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đang có hiệu lực thi hành.
- Xây dựng Dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình.

2. Tổ chức các cuộc họp với các cơ quan có liên quan để tham vấn về các nội dung Dự thảo Nghị định.

3. Đăng tải Dự thảo Nghị định lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan về Dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình.

5. Gửi hồ sơ Dự thảo Nghị định đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

##### **1. Bố cục dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung có 03 điều:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp**

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

##### **2. Những nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định**

###### **a) Các nội dung sửa đổi**

Sửa đổi Điều 41 như sau:

- Sửa đổi quy định về thành phần Hồ sơ trình của Chủ đầu tư trình xin chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng;

- Sửa đổi trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thẩm định, lập hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trong đó làm rõ sự phù hợp của dự án với quy hoạch Lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Sửa đổi về việc trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc chủ trì, phối hợp với Bộ, ban, ngành liên quan xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng;

b) Các nội dung bổ sung:

Bổ sung Điều 41a về tiêu chí xác định dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; trong đó quy định rõ:

1. Tiêu chí xác định dự án quan trọng quốc gia có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên được xác định theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công năm 2014.

2. Tiêu chí đối với các dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên

3. Tiêu chí đối với các dự án cấp thiết có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên là các dự án thuộc một trong các tiêu chí dưới đây:

4. Chính phủ giao Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đối với các dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình và dự kiến chỉnh lý Dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định.*

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Thủ Tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TCLN, Vụ PC;
- Lưu: VT,....

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Xuân Cường**

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 41

**"Điều 41. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác**

1. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Quốc hội: đối với dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

2. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

a) Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; báo cáo đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, văn bản thẩm định báo cáo đề xuất dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm định, lập hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét. Hồ sơ gồm: Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; tài liệu chứng minh sự phù

hợp của dự án với quy hoạch Lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, xét xét gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ, ban, ngành liên quan xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng;

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

e) Đối với trường hợp đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện theo quy định tại khoản này.

### 3. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

a) Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích thuộc chủ rừng là tổ chức. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; báo cáo đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, văn bản thẩm định báo cáo đề xuất dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, gửi hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét. Hồ sơ gồm: Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; tài liệu chứng minh sự phù hợp của dự án với quy hoạch Lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích thuộc chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; báo cáo đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, văn bản thẩm định báo cáo đề xuất dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét; Hồ sơ gồm: Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; tài liệu chứng minh sự phù hợp của dự án với quy hoạch Lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương



chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

e) Đối với trường hợp đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện theo quy định tại khoản này."

2. Bổ sung Điều 41a như sau:

"**Điều 41a.** Tiêu chí xác định dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên

1. Tiêu chí dự án quan trọng quốc gia có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên được xác định theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công năm 2014, Điều 30 Luật Đầu tư, cụ thể:

a) Đối với các dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Luật Đầu tư công năm 2014, điểm b khoản 1 Điều 30 Luật Đầu tư: "Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên;" được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Đối với các dự án quan trọng quốc gia theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công năm 2014, Điều 30 Luật Đầu tư nhưng không quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư trong đó có nội dung chấp thuận về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên.

2. Tiêu chí xác định dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên là các dự án theo quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư công, được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Luật Đầu tư công, cụ thể là các dự án thuộc một trong các tiêu chí sau:

a) Dự án tại địa bàn đặc biệt quan trọng đối với quốc gia về quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh;

b) Dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ quốc phòng, an ninh có tính chất bảo mật quốc gia.

3. Dự án cấp thiết có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên là các dự án thuộc một trong các tiêu chí dưới đây:

a) Dự án phục vụ bố trí, sắp xếp chỗ ở, ổn định dân cư thuộc các Chương trình, dự án được Quốc hội thông qua và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án theo quy định;

b) Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, dự án phòng chống thiên tai (dự án hồ chứa nước, hồ điều tiết lũ, chống hạn, thủy lợi...), dự án công trình công cộng được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương;

c) Dự án nông nghiệp công nghệ cao được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Dự án phát triển kinh tế trọng điểm của địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

d) Dự án đã được phê duyệt, đủ hồ sơ theo quy định và đã triển khai thực hiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2019;

đ) Các dự án khác được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Chính phủ giao Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đối với các dự án cấp thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp và Nghị định này."

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2020.

## **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b)-KN

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**